

Bản án số: 594/2018/DS-ST
Ngày: 22 - 11 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Minh Kiên;

Bà Lê Thị Ngọc Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến là **cán bộ** Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 285/2018/TLST-DS ngày 28/6/2018 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 421/2018/QĐST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH Một thành viên N; Trụ sở: đường Đ, Phường MH, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1994 - là nhân viên Công ty tài chính TNHH MTV N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 2052/UQTA-VH.18 ngày 30/5/2018) - Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Thanh P, sinh năm 1986; Địa chỉ: đường N, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Công ty tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh V là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 10/11/2015 ông Trương Thanh P có ký với Công ty tài chính TNHH MTV N (gọi tắt là công ty) “Đơn đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng tín dụng” số 20151111-500000-0053 vay số tiền 43.677.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, với lãi suất thỏa thuận là 4,16%/tháng. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông P có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là 69.926.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong thời hạn

24 tháng. Trong 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.914.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.904.000 đồng, thanh toán vào ngày 17 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 17/12/2015.

Thực hiện hợp đồng, ông Trương Thanh P đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân (trong đó thực nhận là 41.400.000 đồng và khách hàng mua bảo hiểm tín dụng là 2.277.000 đồng) và đã thanh toán cho công ty được tổng số tiền là 34.934.000 đồng (trong đó: Gốc là 16.564.154 đồng, lãi là 18.369.846 đồng). Từ ngày 31/01/2018, ông P không thanh toán thêm khoản nào. Tổng số tiền ông P còn nợ là 34.992.000 đồng. Trong đó, nợ gốc còn lại là: 27.112.846 đồng, lãi tới hạn là 7.879.154 đồng.

Nay, Công ty tài chính TNHH MTV N yêu cầu cá nhân ông Trương Thanh P thanh toán số nợ còn lại tính đến ngày 13/7/2018 là: 34.992.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Kể từ ngày Công ty có đơn yêu cầu thi hành án mà ông P chưa trả hết nợ thì còn phải trả tiền lãi chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tương ứng với số tiền gốc chậm trả đến ngày thanh toán xong nợ.

Ông Trương Thanh P là bị đơn trình bày: Ông thừa nhận toàn bộ lời trình bày của đại diện nguyên đơn là đúng. Ngày 10/11/2015 ông có ký với Công ty tài chính TNHH MTV N (gọi tắt là công ty) “Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 20151111-500000-0053 vay số tiền 43.677.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất thỏa thuận là 4,16%/tháng. Ông có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là 69.926.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong thời hạn 24 tháng. Trong 23 tháng đầu, mỗi tháng trả 2.914.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.904.000 đồng, thanh toán vào ngày 17 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 17/12/2015.

Thực hiện hợp đồng, ông đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và đã thanh toán cho công ty được tổng số tiền là 34.934.000 đồng (trong đó: Gốc là 16.564.154 đồng, lãi là 18.369.846 đồng) đúng như phía nguyên đơn trình bày. Từ ngày 31/01/2018, do gặp khó khăn ông không có điều kiện thanh toán thêm khoản nào. Ông xác định tổng số tiền ông còn nợ Công ty là 34.992.000 đồng. Trong đó, nợ gốc còn lại là: 27.112.846 đồng, lãi tới hạn là 7.879.154 đồng.

Hiện nay do đang gặp khó khăn nên ông đề nghị được trả dần số nợ nêu trên bằng cách mỗi tháng trả 1.000.000 đồng bắt đầu từ cuối tháng 8/2018 cho đến khi hết nợ. Quá trình vay và thực hiện hợp đồng, công ty không giữ tài sản hay giấy tờ gì của ông

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh V trình bày: Ông Trương Thanh P đã vi phạm thời hạn trả nợ, ông yêu cầu mỗi tháng trả 1.000.000 đồng thì thời gian trả sẽ kéo dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty nên công ty không đồng ý với phương án trả nợ nêu trên của ông P mà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông P thanh toán số nợ còn lại tính đến ngày 22/11/2018 là: 34.992.000 đồng. Bị đơn là ông Trương Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Gò

Vấp thụ lý vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu của Công ty tài chính TNHH Một thành viên N là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ hồ sơ vụ án thể hiện Công ty tài chính TNHH Một thành viên N và ông Trương Thanh P có giao kết hợp đồng tín dụng (theo “Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 20151111-500000-0053 ngày 10/11/2015). Do phía ông Trương Thanh P vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại quận Gò Vấp, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Xét “Đơn đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng” số 20151111-500000-0053 ngày 10/11/2015 giữa Công ty tài chính TNHH Một thành viên N và ông Trương Thanh P. Nội dung các bên thỏa thuận thời hạn vay là 24 tháng, thanh toán vào ngày 17 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 17/12/2015. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trương Thanh P đã thanh toán cho công ty được tổng cộng là 34.934.000 đồng và ngưng thanh toán từ ngày 31/01/2018. Do ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên vào ngày 31/5/2018 Công ty tài chính TNHH Một thành viên N đã khởi kiện. Như vậy, tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn ủy quyền cho ông Lê Hiền Thảo làm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 50/UQ-VH.18 ngày 18 tháng 4 năm 2018) và ông Lê Hiền Thảo có văn bản ủy quyền lại cho ông Nguyễn Thanh V làm người đại diện của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án (Văn bản ủy quyền số 2052/UQTA-VH.18 ngày 30 tháng 5 năm 2018), nên Tòa án triệu tập ông Nguyễn Thanh V để tham gia tố tụng là đúng quy định.

[4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Trương Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn: Vì hợp đồng tín dụng số 20151111-500000-0053 ngày 10/11/2015 đã hết thời hạn thanh toán vào ngày 17/11/2017 nhưng bị đơn vẫn chưa trả hết nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ còn lại tính đến ngày 22/11/2018 là: 34.992.000 đồng, (trong đó, nợ gốc còn lại là: 27.112.846 đồng,

lãi tới hạn là 7.879.154 đồng,). Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, sự thừa nhận của bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, đã giải ngân cho bị đơn vay số tiền 43.677.000 đồng mà hai bên đã thỏa thuận. Bị đơn ông Trương Thanh P đã nhận đủ số tiền nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo quy định trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng.

[6] Theo thỏa thuận tại khoản 10.3 Điều 10 của “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151111-500000-0053 ngày 10/11/2015 thì hợp đồng chấm dứt vào thời điểm các bên hoàn thành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng, trong đó bên vay đã thanh toán đầy đủ số tiền vay. Theo Bảng tính lãi thì thời điểm bên vay thanh toán đầy đủ số tiền vay để chấm dứt hợp đồng là ngày 17/11/2017. Tuy nhiên, đến nay, bị đơn vẫn chưa thanh toán hết số nợ cho nguyên đơn. Theo khoản 6.2 Điều 6 của “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” nêu trên thì Công ty có quyền chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bên vay thanh toán toàn bộ các khoản nợ ngay lập tức trong trường hợp bên vay vi phạm bất kỳ quy định nào của hợp đồng. Vì vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu trả nợ của nguyên đơn.

[7] Về số nợ: Cả hai bên đều thừa nhận ông P hiện còn nợ Công ty tài chính TNHH MTV N số tiền là: 34.992.000 đồng (trong đó, nợ gốc còn lại là: 27.112.846 đồng, lãi tới hạn là 7.879.154 đồng). Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 471 và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[8] Về thời hạn trả nợ: Bị đơn đề nghị được trả dần số nợ nêu trên bằng cách mỗi tháng trả 1.000.000 đồng bắt đầu từ cuối tháng 8/2018 cho đến khi hết nợ. Phía nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu trả một lần toàn bộ số nợ vì cho rằng ông P đã vi phạm thời hạn trả nợ, mỗi tháng chỉ trả được 1.000.000 đồng thì thời gian trả sẽ kéo dài, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công ty. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả toàn bộ số nợ trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[9] Về yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tương ứng với số tiền gốc chậm trả kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án đến ngày thanh toán xong nợ. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật nên cần áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Từ những phân tích, đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông Trương Thanh P phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn theo “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151111-500000-0053 ngày 10/11/2015 mà hai bên đã ký kết.

[12] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[13] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 389, Điều 401, Điều 405, Điều 471 và khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 429, Điều 468 và khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH Một thành viên N:

1.1. Buộc ông Trương Thanh P có trách nhiệm trả cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên N số tiền còn nợ của “Đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 20151111-500000-0053 ngày 10/11/2015 là 34.992.000 đồng (Ba mươi bốn triệu chín trăm chín mươi hai ngàn đồng). Trong đó, nợ gốc còn lại là: 27.112.846 đồng, lãi tới hạn là 7.879.154 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật;

1.2. Kể từ ngày Công ty tài chính TNHH Một thành viên N có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trương Thanh P chưa trả hết số nợ nêu trên thì ông còn phải trả tiền lãi chậm trả theo lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tương ứng với số tiền gốc chậm trả và thời gian chậm trả;

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) do ông Trương Thanh P chịu;

2.2. Trả lại cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 874.800 đồng (Tám trăm bảy mươi bốn ngàn, tám trăm đồng) theo Biên lai thu số 0029539 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- Viện KSND Q.Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Điệp